

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-PT

Ngày: 10 - 3- 2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Võ Thị Hồng Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh,
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng
01 năm 2021, về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm
2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2021/QĐ-PT ngày
18 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 7, ấp BC, xã
B G, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 393, tổ 3, ấp
TĐ, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 7, ấp BC, xã BG,
huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

3.2. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1965. Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp TĐ, xã BG, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị L – là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09-6-2018 và 19- 9- 2019 và lời khai của bà Trương Thị L (nguyên đơn) tại Tòa án thể hiện như sau:

Vào ngày 08-4-2013 âm lịch (tức ngày 17/5/2013 dương lịch), ông R có vay của bà số tiền 200.000.000 đồng. Khi đến vay tiền, ông R có mang theo giấy biên nhận viết sẵn, có nội dung: “8/4/2013 6 Ng có mượn em L (200.000.000). Viết bằng chữ là (hai trăm triệu đồng chẵn)”. Tại mục “Người mượn” có ký tên “Ng” và viết tên “6 Ng” và một chữ ký khác không biết của ai. Khi đưa tiền cho ông R, bà có yêu cầu ông R ký tên dưới mục “Người nhận tiền” trong giấy biên nhận trên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, ông R có nói miệng là vay vài bữa sẽ trả lại cho bà số tiền này, nhưng đến nay ông R không trả.

Nay bà yêu cầu ông R phải trả tiền nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật là 24.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi là 224.000.000 đồng.

Lời khai của ông Nguyễn Văn R (bị đơn) trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Bà Huỳnh Thị Ng (tức 6 Ng) là em vợ của ông, do nhà ông và nhà của bà 6 Ng gần nhau, nên vào ngày 08-4-2013 khi ông đang đi lên Ủy ban nhân dân xã BG thì bà Ng có gọi điện và nhờ ông vào nhà bà Trương Thị L nhận số tiền 200.000.000 đồng dùm bà Ng, tiền này do bà Ng vay của chị L. Bà Ng nói với ông là giữa bà Ng và bà L đã thỏa thuận với nhau xong rồi. Ông đồng ý, lúc ông đến nhà bà L thì bà L giao cho ông số tiền 200.000.000 đồng và nói là tiền bà Ng vay, kêu ông cầm về cho bà Ng giúp. Sau khi cầm tiền, bà L có đưa cho ông một tờ giấy “Biên nhận” có viết sẵn nội dung như sau: “8/4/2013 6 Ng có mượn em L (200.000.000) viết bằng chữ là (hai trăm triệu đồng chẵn)”. Giấy biên nhận có bà Ng và chồng là ông Nguyễn Văn M ký tên dưới mục “Người mượn”. Bà L nói ông nhận tiền dùm bà Ng thì ký tên vào giấy biên nhận này, do thấy giấy nợ viết đúng nội dung và có vợ chồng bà Ng ký tên nên ông có ký và viết tên Nguyễn Văn R dưới mục “Người nhận tiền”. Ngay sau khi nhận tiền, ông đã giao lại số tiền này cho bà Ng, ông M rồi, việc giao nhận không có làm giấy tờ. Theo ông được biết thì giữa bà Ng và bà L có mối quan hệ thân thiết, làm ăn với nhau trong thời gian dài, bà Ng thường xuyên vay tiền và chơi hụi của chị L, sau đó cho người khác vay tiền lại để lấy tiền lãi chênh lệch. Năm 2017, bà Ng bị vỡ nợ, lúc đó bà L có đến nhà bà Ng để yêu cầu trả nợ, sau đó vợ chồng bà Ng bỏ đi khỏi địa phương thì bà L mới làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân xã BG giải

quyết, Ủy ban có chuyển đơn của bà L về áp để giải quyết nhưng lúc đó vì bà Ng không còn ở địa phương nên áp không giải quyết được nên đã chuyển trả đơn của bà L lại cho xã. Do lúc đó ông là Trưởng ấp TĐ, xã BG nên biết rõ sự việc.

Nay bà L yêu cầu ông trả số tiền 200.000.000 đồng ông không đồng ý, vì người vay tiền của bà L là bà Ng và ông M, không phải là ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Trần Văn Ch trình bày:

Ông là chồng bà L, thống nhất với lời trình bày và có cùng yêu cầu với bà L.

Đối với bà Huỳnh Thị Ng và ông Nguyễn Văn M:

Hiện bà Ng, ông M đã đi khỏi địa phương, Tòa án đã tổng đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông bà vắng mặt nên không có lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 31-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L, ông Trần Văn Ch về việc yêu cầu ông R trả 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và 120.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 320.000.000 (ba trăm hai mươi triệu) đồng.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 67/2019/DS-PT ngày 02-4-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã tuyên xử: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại, với lý do:

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Ng tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan để làm rõ sự thật và tính khách quan của vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 13-5-2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý lại vụ án. Đến ngày 17-6-2019, bà L, ông Ch rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tại quyết định số: 60/2019/QĐST-DS ngày 18-6-2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã quyết định đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 19-9-2019, bà L khởi kiện lại yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông R trả số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 60/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn R trả số tiền 224.000.000 (hai trăm hai mươi bốn) triệu đồng.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, bà L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn ông R trình bày: Ông không phải là người vay tiền của bà L nên không đồng ý trả.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Bà Trương Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Đối với bà Huỳnh Thị Ng và ông Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án đã tổng đạt (niêm yết) văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Ng, ông M.

[2] Về nội dung: Bà Trương Thị L cho rằng ngày 08-4-2013 ông Nguyễn Văn R có vay của bà số tiền 200.000.000 đồng, chứng cứ bà đề xuất giấy biên nhận có nội dung “8/4/2013 6 Ng có mượn em L (200.000.000) viết bằng chữ là (hai trăm triệu đồng chẵn)”. Giấy biên nhận có bà Ng và chồng là ông Nguyễn Văn M ký tên dưới mục “Người mượn”, ông R ký tên dưới chữ “người nhận tiền”. Nay bà yêu cầu ông R trả cho bà số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi là 24.000.000 đồng. Ông R không thừa nhận nợ bà L mà số tiền trên ông nhận thay cho bà Ng (em vợ của ông).

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn Trương Thị L thấy rằng:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông R đều không thừa nhận có vay tiền của bà L mà số tiền trên do bà Huỳnh Thị Ng, tên gọi khác là 6 Ng (em vợ ông R) đã liên lạc bằng điện thoại thoả thuận việc vay tiền với bà L trước, vợ chồng bà Ng, ông M viết sẵn giấy biên nhận giao cho bà L, sau đó nhờ ông R đến nhà bà L nhận tiền dùm, bà L giao tiền và đề nghị ông R ký vào mục “*người nhận tiền*”. Ông R yêu cầu giám định chữ ký của người vay. Tại Kết luận giám định số: 1149/KL-KTHS ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh đã kết luận: Chữ viết trong nội dung giấy “*Biên nhận*” đề ngày 08-4-2013 so sánh với chữ viết “*Huỳnh Thị Ng*” trong Giấy ủy nhiệm chi ngày 28-9-2016, Hợp đồng tín dụng ngày 27-9-2016, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 27-9-2016, Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm và Giấy chứng nhận bảo hiểm Bảo An tín dụng của bà Huỳnh Thị Ng lưu tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Châu Thành (do Toà án thu thập làm căn cứ giám định) là do cùng một người viết ra. Tại phiên tòa sơ thẩm vào năm 2018 (bút lục 106), bà L đã trình bày: “*Bà Huỳnh Thị Ng có gọi điện thoại hỏi vay bà số tiền 200.000.000 đồng thì bà đồng ý, sau đó bà Ng nhờ ông R đến nhà bà nhận tiền*”. Ngoài ra, sau khi vợ chồng bà Ng bỏ địa phương thì tại “*Đơn trình báo*” ngày 09 tháng 6 năm 2018 và “*Đơn thưa*” ngày 28 tháng 6 năm 2018 gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã BG, huyện Châu Thành vợ chồng bà L yêu cầu vợ chồng bà Ng trả số tiền 1.870.000.000 đồng, trong đó có số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 08-4-2013 được bà L liệt kê trong đơn. Bà L cho rằng ông R ký tên vào mục “*người nhận tiền*” thì ông R phải có trách nhiệm trả là không đúng với chủ thể bên vay, vì trong giấy biên nhận “*bên vay*” là bà Ng ký tên, ông R không phải là người vay tiền của bà L nên ông không có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ. Tuy nhiên, viện dẫn áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 giải quyết là không đúng, cần rút kinh nghiệm (vì vụ việc phát sinh từ năm 2013). Bà L kháng cáo nhưng không đề xuất được chứng cứ gì khác nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà L không được Tòa án chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14, cụ thể số tiền phải trả $224.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 11.200.000 \text{ đồng}$.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Kết quả trưng cầu giám định chứng minh yêu cầu của ông R là có căn cứ, nên bà L phải chịu chi phí giám định số tiền 2.040.000 đồng. Ông R đã nộp tạm ứng chi phí giám định là 2.040.000 đồng và đã thanh toán xong. Do đó, bà L phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền trên cho ông R là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 161 và khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng dân sự, .

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà L không được Tòa án chấp nhận nên bà L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” của bà Trương Thị L đối với ông Nguyễn Văn R; về yêu cầu ông R trả số tiền 224.000.000 (hai trăm hai mươi bốn triệu) đồng.

2. Về án phí: Bà Trương Thị L phải chịu 11.200.000 (mười một triệu hai trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu số 0006312 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Bà L còn phải nộp tiếp số tiền 6.200.000 (sáu triệu hai trăm nghìn) đồng.

3. Về chi phí giám định: Bà Trương Thị L phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn R số tiền 2.040.000 (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0007873 ngày 14 – 12 – 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (ghi nhận bà L đã nộp xong án phí phúc thẩm).

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành ;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm